

ĐA DẠNG TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI KHU BẢO TỒN CÁC LOÀI HẠT TRẦN QUÝ, HIẾM NAM ĐỘNG, TỈNH THANH HÓA

Phan Văn Dũng¹*, Đồng Thanh Hải¹, Phạm Văn Hùng¹,
Đỗ Quốc Tuấn¹, Phạm Tuấn Tùng¹, Khổng Trọng Quang¹

TÓM TẮT

Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động được thành lập theo Quyết định số 87/QĐ-UBND, với tổng diện tích 502,84 ha, nhằm bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, phát huy các giá trị đặc biệt về đa dạng sinh học. Sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến, phương pháp phỏng vấn người dân để tiến hành nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, tỉnh Thanh Hóa đã được xác định được 467 loài, 334 chi 128 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch là Khuyết lá thông (Psilotophyta), Thông đất (Lycopodiophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Hạt trần (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, 30 loài có giá trị bảo tồn theo đánh giá của Sách đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 84/2021/NĐ-CP và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam.

Từ khóa: Cây thuốc, đa dạng thực vật, Nam Động, phổ dạng sống, khu bảo tồn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động nằm trên địa bàn xã Nam Động, huyện Quan Hóa, cách trung tâm huyện 25 km và cách thành phố Thanh Hóa 150 km theo hướng Tây Nam. Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động được thành lập theo Quyết định số 87/QĐ-UBND [1] với tổng diện tích 502,84 ha, nhằm bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, phát huy các giá trị đặc biệt về đa dạng sinh học mà trọng tâm là 6 loài hạt trần quý, hiếm. Việc nghiên cứu về thực vật đặc biệt là thực vật làm thuốc ở Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động mới chỉ dừng lại ở việc thống kê chung. Cho đến nay, tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động các loài hạt trần quý, hiếm chưa được điều tra, nghiên cứu sâu về tình trạng, phân bố và giá trị sử dụng của các loài cây thuốc. Do vậy việc điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên cây thuốc tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động là hết sức cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Điều tra theo tuyến điển hình: Các tuyến điều tra phải đại diện cho các sinh cảnh của khu vực nghiên cứu. Cụ thể trên mỗi sinh cảnh đại diện thiết lập trên các tuyến chính mở thêm các tuyến phụ rồi tiến hành điều tra trong phạm vi dọc 2 bên tuyến. Theo đó tổng số tuyến được thành lập điều tra là 9 tuyến.

Thu mẫu, xử lý mẫu: Tiến hành theo phương pháp thông dụng hiện hành [2]. Thời gian được thực hiện từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021.

Xác định tên khoa học: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào các khóa định loại, các bản mô tả của Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000) [3], chỉnh lý tên khoa học và sắp xếp danh lục thực vật theo Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (2001) [4], Nguyễn Tiến Bân (2003 - 2005) [5], đánh giá dạng sống theo Raunkiaer (1934) [6]. Trong quá trình điều tra cộng đồng, đã sử dụng 2 phương pháp tiếp cận là RRA và PRA [7]. Đánh giá mức độ đe dọa của các loài thực vật có giá trị làm thuốc theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [8], Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam [9], Nghị định

¹ Trường Đại học Lâm nghiệp

* Email: phandungfuv@gmail.com

84/2021/NĐ-CP [10]. Bên cạnh đó, căn cứ vào tình hình khai thác và sử dụng cây thuốc tại địa phương để chỉ ra các loài có nguy cơ bị đe dọa trong khu vực nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc

Kết quả điều tra đã phát hiện và thống kê được tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, tỉnh Thanh Hóa đã ghi nhận có 467 loài cây thuốc mọc tự nhiên, thuộc 334 chi, 128 họ của 5 ngành thực vật có mạch. Trong đó hầu hết tập trung vào ngành Mộc lan (433 loài, chiếm 92,72%). Trong ngành này thì lớp Mộc lan chiếm ưu thế với 372 loài (79,66%) (Bảng 1).

Bảng 1. Sự phân bố các bậc taxon của cây làm thuốc tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên ngành		Loài		Chi		Họ	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Psilotophyta	Khuyết lá thông	1	0,21	1	0,30	1	0,78
2	Lycopodiophyta	Thông đất	4	0,86	2	0,60	2	1,56
3	Polypodiophyta	Dương xỉ	21	4,50	12	3,59	11	8,59
4	Pinophyta	Thông	8	1,71	5	1,50	4	3,13
5	Magnoliophyta	Mộc lan	433	92,72	314	94,01	110	85,94
	- Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)		372	85,91	267	85,03	90	81,82
	- Lớp Hành (Liliopsida)		61	14,09	47	14,97	20	18,18
Tổng			467	100	334	100	128	100

Bảng 1 cho thấy, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số loài nhiều nhất với 433 loài (chiếm 92,72%), thuộc 314 chi (chiếm 94,01%) và 110 họ (chiếm 85,94%). Sau ngành Mộc lan, ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) ghi nhận được 21 loài (chiếm 4,50%), ngành Thông (Pinophyta) có 8 loài (chiếm 1,71%), ngành Thông đất (Lycopodiophyta) ghi nhận 4 loài (chiếm 0,86%) và ngành Khuyết lá thông ghi nhận 1 loài (chiếm 0,21%). Trong số 128 họ được ghi nhận số họ có từ 5 loài cây trở lên là 30 họ (chiếm 34,44%). Các họ có nhiều loài cây thuốc lớn như: Euphorbiaceae (34 loài), Moraceae (21 loài), Fabaceae (17 loài), Rubiaceae (16 loài),

Lauraceae (16 loài), Asteraceae (14 loài), Verbenaceae (14 loài), Rutaceae (11 loài).

Kết quả phân tích thực vật làm thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) cho thấy, trong ngành Mộc lan lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 372 loài (chiếm 85,91% tổng số loài), 267 chi (chiếm 85,03% tổng số chi) và 90 họ (chiếm 81,82% số họ). Lớp Hành (Liliopsida) có số lượng thấp hơn với 61 loài (chiếm 14,09% tổng số loài), 47 chi (chiếm 14,97% số chi) và 20 họ (chiếm 18,18% số họ). Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) nói chung và lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) nói riêng đóng vai trò chủ đạo và đặc trưng của khu hệ thực vật vùng nhiệt đới.

Sự đa dạng về phổ dạng sống: Theo Raukiaer (1934) [6], hệ thực vật tại khu vực nghiên cứu được chia làm 13 kiểu dạng sống thuộc 5 nhóm dạng sống và được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Các kiểu dạng sống của cây thuốc tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động

Ký hiệu	Dạng sống	Số lượng	Phổ dạng sống (%)
Ph	Chồi trên	403	86,30
Ch	Chồi sát đất	14	3,00
Hm	Chồi nửa ẩn	5	1,07
Cr	Chồi ẩn	24	5,14
Th	Cây một năm	21	4,50
Tổng		467	100

Trong số 467 loài đã xác định, nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế với tỷ lệ 86,30%, tiếp đến là nhóm cây chồi ẩn (Cr): 5,14% tập trung chủ yếu vào các họ Zingiberaceae, Convallariaceae, Dioscoreaceae... và một số họ trong ngành Polypodiophyta (Adiantaceae, Aspleniaceae, Schizeaceae...); nhóm cây một năm (Th): 4,50% tập trung chủ yếu vào họ Asteraceae, Opiliaceae... nhóm cây chồi sát đất (Ch): 3,00% chủ yếu vào họ

Cucurbitaceae,... nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm): 1,07% tập trung chủ yếu vào các họ Araceae, Zingiberaceae... Như vậy, nhóm cây chồi trên chiếm ưu thế. Từ kết quả thu được đã lập phổ dạng sống của các loài cây thuốc hệ thực vật như sau:

$$SB = 86,30Ph + 3,00Ch + 1,07Hm + 5,14 Cr + 4,50Th$$

Kết quả phân tích nhóm chồi trên (Ph) được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Các nhóm dạng sống chính thuộc nhóm cây chồi trên của hệ thực vật tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)
Cây chồi trên rất lớn	<i>Mg</i>	4	0,99
Cây chồi trên lớn	<i>Me</i>	94	23,33
Cây chồi trên vừa	<i>Mi</i>	112	27,79
Cây chồi trên lùn	<i>Na</i>	39	9,68
Cây chồi trên dây leo	<i>Lp</i>	83	20,60
Cây chồi trên bì sinh	<i>Ep</i>	19	4,71
Cây chồi trên thân thảo	<i>Hp</i>	52	12,90
Tổng		403	100

Từ kết quả thu được đã lập phổ dạng sóng cho nhóm cây chồi trên (Ph) như sau:

Ph = 0,99Mg + 23,33Me +27,79Mi + 9,68Na + 20,60Lp +4,71Ep + 12,90Hp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong nhóm cây chồi trên, nhóm cây chồi vừa (Mi) chiếm tỷ lệ cao nhất với 27,79Ph; chủ yếu là các loài thuộc các họ Acanthaceae, Melastomataceae. Tiếp theo là nhóm cây dây leo (Lp): 20,60% số loài trong dạng sóng Ph (thuộc các họ Annonaceae, Connaraceae, Vitaceae, Asclepiadaceae, Menispermaceae...), nhóm cây

chồi lớn (Me): 23,33%Ph (thuộc các họ Annonaceae, Euphorbiaceae, Rutaceae, Theaceae), nhóm cây chồi lùn (Na) chiếm 9,68%Ph (thuộc các họ, Euphorbiaceae, Moraceae..), nhóm cây chồi rất lớn (Mg) chiếm 0,99%Ph (thuộc các họ, Dipterocarpaceae, Fagaceae,...), nhóm cây bì sinh (Ep) chiếm 4,71%Ph (thuộc các họ Araceae, Orchidaceae, Polypodiaceae...), nhóm cây chồi trên thân thảo (Hp) chiếm 12,90%Ph.

3.2. Những cây thuốc có giá trị sử dụng và kinh tế cao

Bảng 4. Thành phần các loài cây thuốc có tiềm năng khai thác và phát triển thị trường hiện có ở Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật
1	Thạch xương bồ	<i>Acorus gramineus</i> Ait. ex Soland	Acoraceae
2	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott	Araceae
3	Ngũ gia bì chân chim	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin	Araliaceae
4	Hà thủ ô trắng	<i>Streptocaulon juvenas</i> (Lour.) Merr.	Asclepiadaceae
5	Bồ công anh	<i>Lactuca indica</i> L.	Asteraceae
6	Cỏ cứt lợn	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Asteraceae
7	Ké đầu ngựa	<i>Xanthium strumarium</i> L.	Asteraceae
8	Ngải cứu đại	<i>Artemisia vulgaris</i> var. <i>indica</i> (Willd.) DC.	Asteraceae
9	Núc nác	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Vent.	Bignoniaceae
10	Thảo quyết minh	<i>Cassia tora</i> L.	Caesalpiniaceae
11	Đinh tùng	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook.f.	Cephalotaxaceae
12	Hoàng tinh cách	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Convallariaceae
13	Giảo cổ lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Cucurbitaceae
14	Lông cu li	<i>Cibotium barometz</i> (L.) Sm.	Dicksoniaceae
15	Huyết giác	<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.	Dracaenaceae

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật
16	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	Lauraceae
17	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers.	Lauraceae
18	Gối hạc	<i>Leea indica</i> (Burm.f.) Merr.	Leeaceae
19	Hoàng đằng	<i>Strychnos wallichiana</i> Steud. ex DC.	Loganiaceae
20	Cối xay	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet.	Malvaceae
21	Dây hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Menispermaceae
22	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Opiliaceae
23	Kim tuyến núi đá	<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume	Orchidaceae
24	Thanh thiên quỳ	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter	Orchidaceae
25	Bồ cốt toái	<i>Drynaria fortunei</i> (Kunze ex Mett.) J. Sm.	Polypodiaceae
26	Dạ cẩm	<i>Hedyotis capitellata</i> var. <i>mollis</i> Pierre ex Pit.	Rubiaceae
27	Nhân trần	<i>Adenosma caerulea</i> R. Br.	Scrophulariaceae
28	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	Stemonaceae
29	Thông đỏ đá vôi	<i>Taxus chinensis</i> (Pilg.) Rehder	Taxaceae
30	Trọng lâu (bảy lá một hoa)	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Trilliaceae
31	Nghệ	<i>Curcuma longa</i> L.	Zingiberaceae
32	Nghệ xanh	<i>Curcuma aeruginosa</i> Roxb.	Zingiberaceae
33	Sa nhân	<i>Amomum longiligulare</i> T. L. Wu	Zingiberaceae

Bảng 4 cho thấy, 33 loài và nhóm loài này thuộc 32 chi và 26 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó chỉ có 2 loài là cây Lông cu ly và Bồ cốt toái ở hai họ của ngành Dương xỉ (Polypodiophyta); có 1 loài trong ngành Thông (Pinophyta); còn 31 loài thuộc 30 chi, 24 họ ở

ngành Mộc lan (Magnoliophyta). Tuy nhiên, qua thực tế điều tra, về mức độ phân bố cũng như về tiềm năng khai thác của mỗi loài là khác nhau. Song cả 33 loài này đều là những nguồn gen cây thuốc quan trọng ở Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động.

3.3. Tình hình khai thác, sử dụng cây thuốc

Nằm trong vùng đệm của Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, tỉnh Thanh Hóa có 4 xã: Nam Động, Sơn Điện, Sơn Lư và Trung Thượng. Đời sống của người dân ở đây chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng và một số hộ làm dịch vụ, buôn bán nhỏ. Bên cạnh nền kinh tế nông - lâm nghiệp, cộng đồng người Thái và Mường ở địa phương, nhất là ở xã Nam Động, từ lâu đời đã có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng các loài cây cỏ sẵn có để làm thuốc chữa bệnh. Hiện nay, việc khai thác cây thuốc của người dân chưa theo những quy định, hướng dẫn về thu hái dược liệu. Một số loài dược liệu như: Lá khô,

Giảo cổ lam, Lan kim tuyến, Ngải rơm, Bảy lá 1 hoa... khi khai thác người dân đã nhổ cả cây để lấy lá, thân và toàn bộ rễ để làm thuốc chữa đau dạ dày, bệnh thận...

3.4. Đa dạng các loài cây thuốc quý, hiếm, cần được bảo tồn

Kết quả điều tra, nghiên cứu trong tổng số 467 loài cây thuốc được ghi nhận có 30 loài cây thuốc quý, hiếm, cần ưu tiên bảo tồn thuộc 26 chi của 21 họ, trong đó ngành Ngọc lan có 21 loài, 19 chi, 16 họ, ngành Thông có 5 loài 4 chi 3 họ và ngành Dương xỉ có 4 loài, 3 chi, 3 họ (Bảng 5).

Bảng 5. Những cây thuốc cần ưu tiên bảo tồn có tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ	NĐ84/ 2021	SĐVN 2007	DLĐC TVN 2019
1	Ba gác châu đốc	<i>Rauvolfia chaudiocensis</i> Pierre ex Pitard	Apocynaceae		VU	VU
2	Thiên niên kiện lá to	<i>Homalomena gigantea</i> Engl.	Araceae		VU	VU
3	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai et Yakovl.	Burseraceae		VU	
4	Đỉnh tùng	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook.f.	Cephalotaxaceae	IIA	VU	VU
5	Hoàng tinh cách	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Convallariaceae	IIA	VU	EN
6	Trọng lâu (Bảy lá một hoa)	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Convallariaceae	IIA	CR	EN
7	Giảo cổ lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Cucurbitaceae		EN	VU
8	Lông cu li	<i>Cibotium barometz</i> J. Sm.	Dicksoniaceae	IIA		
9	Trắc dây	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb.	Fabaceae	IIA		
10	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	Lauraceae	IIA	VU	
11	Hoàng đằng	<i>Strychnos wallichiana</i> Steud. ex DC.	Loganiaceae	IIA		

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ	NĐ84/ 2021	SĐVN 2007	DLĐC TVN 2019
12	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	Meliaceae		VU	
13	Dây hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Menispermaceae	IIA		
14	Củ dỏm	<i>Stephania dielsiana</i> C. Y. Wu	Menispermaceae	IIA	VU	VU
15	Lá khô	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	Myrsinaceae		VU	VU
16	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Opiliaceae		VU	VU
17	Kim tuyến núi đá	<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume	Orchidaceae	IA	EN	EN
18	Thủy tiên vàng	<i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.	Orchidaceae	IIA	EN	
19	Hoàng thảo long nhân	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook.	Orchidaceae		VU	
20	Phi điệp kép	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Orchidaceae		EN	
21	Thanh thiên quỳ	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter	Orchidaceae	IIA	EN	EN
22	Thông tre lá dài	<i>Podocarpus neriifolius</i> D. Don	Podocarpaceae			VU
23	Thông tre lá ngắn	<i>Podocarpus pilgeri</i> D. Don	Podocarpaceae	IIA		VU
24	Bồ cốt toái bon	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Polypodiaceae	IIA	VU	VU
25	Bồ cốt toái	<i>Drynaria fortunei</i> (Kunze ex Mett.) J. Sm	Polypodiaceae	IIA	VU	EN
26	Khuyết lá thông	<i>Psilotum nudum</i> (L.) P. Beauv	Psilotaceae			EN
27	Sén núi	<i>Madhuca pasquieri</i> (A. Chev. ex Lecomte) A. Chev	Sapotaceae		EN	EN
28	Ngải rơm	<i>Tacca integrifolia</i> Ker-Gawl.	Taccaceae		VU	VU
29	Dẻ tùng sọc rộng	<i>Amentotaxus yunnanensis</i> H. L. Li	Taxaceae			EN
30	Thông đỏ đá vôi	<i>Taxus chinensis</i> (Pilg.) Rehder	Taxaceae	IIA	VU	VU

Ghi chú: Phân hạng theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP [10] (NĐ84/2021): IIA - Các loài Thực vật rừng nguy cấp quý hiếm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [8] (SĐVN 2007): CR - (Critically Endangered) - Rất nguy cấp; EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp. Theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam [9] (DLĐCTVN 2019): EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp.

Bảng 6 cho thấy, trong 30 thực vật làm thuốc thuộc các loài nguy cấp, quý hiếm cần được bảo tồn, có 1 loài có tên trong Danh mục IA - Cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (Kim tuyến núi đá), 15 loài có tên trong Danh mục IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (Thông đỏ đá vôi, Hoàng đằng, Củ dờm, Thông tre lá ngắn, Thanh thiên quỳ...) của Nghị định số 84/2021/NĐ-CP [10]; 22 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) [8]: Trong đó, cấp CR (Rất nguy cấp) có 01 loài; cấp EN (Nguy cấp) có 6 loài; cấp VU (Sẽ nguy cấp) có 15 loài; 20 loài nằm trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam [9]: Trong đó, có cấp EN (Nguy cấp) có 8 loài; cấp VU (Sẽ nguy cấp) có 12 loài.

4. KẾT LUẬN

Thực vật có giá trị làm thuốc tại Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, tỉnh Thanh Hóa bước đầu ghi nhận 467 loài cây thuốc, thuộc 334 chi, 128 họ, của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Phổ dạng sống cho thực vật làm thuốc tại đây $SB = 86,30Ph + 3,00Ch + 1,07Hm + 5,14Cr + 4,50^{th}$.

Trong 467 loài cây thuốc được ghi nhận có 30 loài cây thuốc quý, hiếm, cần ưu tiên bảo tồn thuộc 26 chi của 21 họ. Trong đó, 22 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 16 loài trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP; 20 loài nằm trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2014). Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 8 tháng 01 năm 2014 về việc thành lập Khu Bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000). *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1, tập 2, tập 3. Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội (2001). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, I (2001). Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên) (2003 – 2005). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, II (2003), III (2005). Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

6. Raunkiaer, C. (1934). *The Life Form of Plants and Statistical Plant Geography*. The Clarendon Press, Oxford, 2 - 104.

7. Nguyễn Bá Ngải (1999). *Phương pháp đánh giá nông thôn*, Bài giảng chuyên đề Lâm nghiệp xã hội, Trường Đại học Lâm nghiệp.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). *Sách Đỏ Việt Nam*, phần II - Thực vật. Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

9. Nguyễn Tập (2019). Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam. *Tạp chí Dược liệu*, số 6, tr. 319 – 328

10. Chính phủ (2021). *Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*.

**DIVERSITY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN NAM DONG RARE AND
ENDANGERED GYMNOSPERM SPECIES CONSERVATION AREA, THANH HOA PROVINCE**

**Phan Van Dung¹, Dong Thanh Hai¹, Pham Van Hung¹,
Do Quoc Tuan¹, Pham Tuan Tung¹, Khong Trong Quang¹**

¹ *Vietnam National University of Forestry*

Summary

Nam Dong Rare and Endangered Gymnosperm Species Conservation Area was established under Decision No. 87/QĐ-UBND, with a total area of 502.84 hectares, to preserve and develop natural ecosystems and promote natural ecosystems. special value in biodiversity. Use the line survey method and people's interview method to conduct research. The results of research on medicinal plant resources at the Nam Dong Rare and Endangered Gymnosperm Species Conservation Area, Thanh Hoa province have identified 467 species, 334 genera and 128 families belonging to 5 phyla of higher vascular plants: Psilotophyta, Lycopodiophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta. Of these, 30 species have conservation value as assessed by the Vietnam Red Book, Decree 84/2021/ND-CP of the Vietnamese Government and Red List of Vietnamese medicinal plants.

Keywords: *Conservation area, life form spectrum, medicinal plants, Nam Dong, plant diversity.*

Người phản biện: TS. Đỗ Thị Xuyên

Ngày nhận bài: 10/11/2023

Ngày thông qua phản biện: 8/12/2023

Ngày duyệt đăng: 11/12/2023